

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-ST

Ngày: 18-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
2. Bà Phạm Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: F, Quốc lộ E, Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2023).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1977; Địa chỉ: F, Tổ A, Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Mộng T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: F, Tổ A, Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2023 của nguyên đơn, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 01/02/2020 bà Nguyễn Thị Thanh N có cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 vay số tiền 230.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm giấy vay mượn tiền nội dung thỏa thuận là vay số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay là từ ngày 01/3/2020 đến ngày 01/3/2023. Mục đích vay tiền bà N1 nói với bà N là dùng để giải quyết vấn đề tài chính trong gia đình. Sau khi làm hợp đồng vay xong, bà N đã giao cho bà N1 số tiền 230.000.000 đồng, bà N1 là người trực tiếp nhận và bà N1 có ký tên viết họ tên, lăn tay đồng thời xác nhận đã nhận đủ số tiền vào Giấy xin mượn tiền ngày 01/02/2020.

Khi hết thời hạn cho vay, bà N có nhiều lần liên hệ yêu cầu bà N1 thanh toán nợ nhưng bà N1 trốn tránh không trả. Ông Phan Mộng T1 là chồng của bà N1, khi bà N1 vay tiền ông T1 không có mặt tuy nhiên bà N1 vay tiền để xoay sở tài chính chung, lo cho sinh hoạt trong gia đình. Ông T1 và bà N1 là vợ chồng, khoản vay này là nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N1 và ông T1 có trách nhiệm liên đới trả số nợ vay là 230.000.000 đồng, bà N tự nguyện không yêu cầu trả lãi. Về thời gian trả yêu cầu trả 01 lần khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau: Bà có vay tiền của bà N nhiều lần, mỗi lần vay từ 10 triệu, 20 triệu, 30 triệu. Những lần vay tiền này đều không có làm giấy nợ. Bà thừa nhận đến tháng 02/2020 thì số nợ bà N là 230.000.000 đồng. Lúc này bà và bà N cũng không có làm giấy tờ gì bởi vì bà đều có trả lãi cho bà N đầy đủ với lãi suất 5%/tháng trên nợ gốc 230.000.000 đồng, trả lãi đầy đủ từ tháng 02/2020 đến khoảng tháng 07/2022 thì ngưng không trả lãi nữa, do tin tưởng nên khi trả lãi không làm giấy tờ văn bản cũng không có bất cứ ai chứng kiến. Việc bà vay tiền, trả lãi là tự nguyện thỏa thuận hai bên bà chấp nhận nên nay đối với số tiền lãi đã trả trong trường hợp có cao hơn so với lãi suất pháp luật quy định thì bà cũng tự nguyện không yêu cầu xem xét lại. Khi bà ngưng việc trả lãi, bà N mới yêu cầu bà ký lại giấy nợ và hứa miệng cho bà trả dần vốn, do đó Giấy xin mượn tiền ngày 01/02/2020 chốt lại số nợ vốn là 230.000.000 đồng giữa bà và bà N chỉ mới làm lại sau này, chữ ký viết họ tên và xác nhận đã nhận tiền hai trăm ba mươi triệu là do bà viết. Ngoài ra, Tết năm 2023 (không rõ ngày tháng) bà có trả cho bà N ba lần tiền, mỗi lần trả 5 triệu, tổng cộng bà đã trả vốn cho bà N là 15.000.000 đồng. Khi trả số tiền 15.000.000 đồng này, do tin tưởng nên không có làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến. Bà N nói sẽ trừ vào vốn cho bà sau. Do đó, bà xác định số tiền vốn bà còn nợ bà N là 215.000.000 đồng. Hiện tại hoàn cảnh kinh tế của bà khó khăn nên bà yêu cầu được trả dần, mỗi năm trả 10 triệu đồng cho đến khi dứt nợ.

Số tiền vay của bà N thì bà sử dụng một phần để làm vốn mua bán trái cây, vé số kiếm thu nhập lo cho gia đình, một phần bà dùng để đầu tư vào bảo hiểm nhưng sau đó thì bà bị bạn bên bảo hiểm lừa không trả tiền cho bà nên bà mất khả năng thanh toán.

Ông Phan Mộng T1 là chồng của bà, hôn nhân vẫn còn tồn tại tuy nhiên việc bà vay tiền của bà N thì ông T1 không biết, việc bà đầu tư bên bảo hiểm bà

cũng không có nói cho ông T1 biết, ông T1 không có sử dụng tiền vay nên nguyên đơn yêu cầu ông T1 cùng chịu trách nhiệm trả nợ là không phù hợp, bà yêu cầu để một mình bà chịu trách nhiệm trả nợ cho bà N.

Công việc buôn bán trái cây, vé số bà đã kinh doanh được hơn 10 năm nay, ông T1 trước làm nghề tài xế nhưng sau này do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh thì ông T1 thất nghiệp. Từ năm 2019 đến nay, ông T1 không có đi làm nên toàn bộ kinh tế, chi tiêu cho sinh hoạt chung trong gia đình, con cái học hành đều do bà lấy thu nhập từ công việc buôn bán của bà để trang trải cuộc sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Mộng T1 trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 31/8/2023 như sau: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Tuyết N1, hôn nhân vẫn còn tồn tại. Việc bà N1 vay tiền của bà N ông không biết, ông cũng không có sử dụng số tiền vay nên ông không đồng ý liên đới cùng bà N1 trả nợ cho bà N.

Thời gian trước ông làm nghề tài xế nhưng sau dịch bệnh năm 2019 thì ông nghỉ việc, ở nhà làm công việc tự do. Việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do bà N1 lo và lấy từ nguồn thu nhập buôn bán trái cây, vé số của bà N1, nếu ông có tiền thì sẽ phụ giúp thêm cho bà N1. Việc chi tiêu thiếu đủ như thế nào thì ông không biết rõ. Hiện tại ông bận việc nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N1 và ông T1 liên đới trả cho bà N số tiền vay 230.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 thông qua “giấy xin mượn tiền” là tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1 hiện nay cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên khi bà N có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Mộng T1 được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt các văn bản tố tụng và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt ông Phan Mộng T1 theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào “Giấy xin mượn tiền ngày 01/2/2020” thì giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 có xác lập quan hệ hợp đồng vay tiền nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị Tuyết N1 có vay của bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay là từ ngày 01/3/2020 đến ngày 01/3/2023, cuối giấy xin mượn tiền có dấu lấn tay, chữ ký, chữ viết họ tên và xác nhận đã nhận tiền đủ của bên mượn tiền là bà Nguyễn Thị Tuyết N1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N1 xác định có vay tiền của bà N nhiều lần, mỗi lần vay từ 10 triệu, 20 triệu, 30 triệu, đến tháng 02/2020 thì số nợ bà N1 nợ bà N là 230.000.000 đồng. Bà N1 thừa nhận dấu lấn tay, chữ ký, chữ viết họ tên và xác nhận đã nhận tiền hai trăm ba mươi triệu trong Giấy xin mượn tiền là do bà N1 viết. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên có đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Tuyết N1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 230.000.000 đồng.

Đối với nội dung bà N1 trình bày có trả cho bà N số tiền vốn 15.000.000 đồng vào khoảng thời gian Tết năm 2023, hiện tại chỉ còn nợ bà N số tiền vốn 215.000.000 đồng. Bên phía bà N không thừa nhận việc bà N1 có trả số tiền 15.000.000 đồng, bà N1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này nên không có cơ sở xác định bà N1 có trả cho bà N số tiền vốn 15.000.000 đồng để trừ vào tiền vay 230.000.000 đồng. Do bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà N khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn vay 230.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn trình bày không thống nhất về lãi suất và tiền lãi, tuy nhiên các bên đều xác định không tranh chấp về tiền lãi. Tại phiên tòa, đại diện bà N khẳng định không yêu cầu bà N1 trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới: Bà N1 trình bày vay tiền của bà N sử dụng một phần để làm vốn mua bán trái cây, vé số để kiếm thu nhập lo cho gia đình, một phần dùng để đầu tư vào bảo hiểm, chi phí sinh hoạt trong gia đình chủ yếu lấy từ nguồn thu nhập mua bán trái cây, vé số của bà N1. Ông T1 trình bày không biết việc bà N1 vay tiền của bà N và cũng không có sử dụng tiền vay tuy nhiên ông T1 xác nhận mọi sinh hoạt trong gia đình đều lấy thu nhập, lợi nhuận từ việc buôn bán trái cây, vé số để lo, việc chi tiêu sinh hoạt thiếu hay đủ ông T1 không biết, ông T1 làm nghề tự do nếu có tiền thì sẽ phụ giúp thêm. Như vậy, có cơ sở xác định bà N1 vay tiền của bà N sử dụng để làm vốn mua bán trái cây, vé số, đầu tư với mục đích tạo nguồn thu nhập, sinh lợi, phát triển kinh tế để phục vụ lại cuộc sống sinh hoạt chung, đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu hàng ngày của gia đình. Tại thời điểm bà N1 vay tiền của bà N, bà N1 và ông T1 là vợ

chồng, hôn nhân giữa bà N1 và ông T1 vẫn đang tồn tại do đó xác định khoản vay trên là trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N1, ông T1 cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà N số tiền còn nợ vốn là 230.000.000 đồng.

[2.4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà N1 đề nghị được trả dần số nợ, mỗi năm trả 10 triệu đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận. Việc bà N1 chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng quyền lợi của bên có quyền và theo quy định của pháp luật cũng không có quy định cho trả dần. Do đó, đề nghị này của bà N1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bà N1, ông T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà N. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà N.

[5] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Mộng T1 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N1 và ông Phan Mộng T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền vay là 230.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N1 và ông Phan Mộng T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.500.000đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí là 5.750.000đồng theo biên lai thu số 0005687 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quyền

